

Handwritten signature and initials

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K27, KHÓA HỌC 2018-2019**

Thi Phần V.1: Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo quản lý;
Thời gian: 135 phút; Ngày thi: 17 tháng 9 năm 2019; Phòng thi số: 03

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Phan Thanh Bình	10/9/1970	02	<i>Handwritten signature</i>	69	75	Đạt 1 năm
02	Phạm Thị Kim Cúc	05/6/1975	02	<i>Handwritten signature</i>	63	72.5	Đạt, hai năm
03	Nguyễn Văn Cường	09/9/1980	02	<i>Handwritten signature</i>	67	75	Đạt 1 năm
04	Lê Văn Dân	20/8/1976	01	<i>Handwritten signature</i>	74	70	Đạt
05	Ngọc Đào Phương Dung	31/8/1982	02	<i>Handwritten signature</i>	17	75	Đạt 1 năm
06	Nguyễn Hoàng Dũng	05/9/1966	02	<i>Handwritten signature</i>	22	70	Đạt
07	Trần Dũng	08/01/1975	02	<i>Handwritten signature</i>	8	72.5	Đạt, hai năm
08	Trần Xuân Đa	02/9/1963	02	<i>Handwritten signature</i>	31	75	Đạt 1 năm
09	Đỗ Thị Giang	05/02/1971	02	<i>Handwritten signature</i>	10	75	Đạt 1 năm
10	Nguyễn Viết Hải	05/5/1976	02	<i>Handwritten signature</i>	65	75	Đạt 1 năm
11	Tô Thị Hằng	20/6/1985	02	<i>Handwritten signature</i>	39	75	Đạt 1 năm
12	Lê Hữu Hào	28/12/1974	02	<i>Handwritten signature</i>	24	75	Đạt 1 năm
13	Hoàng Thị Hiền	01/11/1976	02	<i>Handwritten signature</i>	11	75	Đạt 1 năm
14	Đào Hữu Hiền	28/3/1972	02	<i>Handwritten signature</i>	20	72.5	Đạt, hai năm
15	Phạm Thị Thanh Hiền	15/10/1981	02	<i>Handwritten signature</i>	25	72.5	Đạt, hai năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
16	Dương Thị Hồng Hiền	22/12/1984	02		58	8.0	Tám
17	Phan Bá Lê Hiền	09/8/1979	02		35	7.5	Bảy năm
18	Vũ Trọng Hiếu	26/8/1977	02		62	7.5	Bảy năm
19	Trần Trung Hiếu	21/7/1976	02		40	7.0	Bảy
20	Nguyễn Thành Hiệu	22/9/1986	02		50	8.0	Tám
21	Đào Thị Xuân Hoa	01/8/1976	02		18	7.5	Bảy
22	Nguyễn Ngọc Hoàng	17/3/1975	02		52	7.5	Bảy
23	Bùi Minh Hoàng	10/4/1981	02		38	7.0	Bảy
24	Võ Văn Hoàng	25/2/1966	02		78	7.5	Bảy
25	Lê Văn Hồng	17/5/1982	02		4	7.5	Bảy
26	Trần Mạnh Huệ	29/4/1979	02		77	8.0	Tám
27	Võ Thị Huệ	01/6/1979	02		32	7.5	Bảy
28	Đoàn Việt Hùng	10/2/1978	02		75	7.5	Bảy
29	Nguyễn Mạnh Hùng	17/9/1977	02		54	7.5	Bảy
30	Phạm Thị Thanh Hương	15/10/1973	02		64	7.5	Bảy
31	Nguyễn Thị Hải Hường	14/02/1971	02		5	7.5	Bảy
32	Nguyễn Đức Huy	24/9/1982	02		61	7.5	Bảy
33	Trần Quang Huy	12/10/1983	02		37	7.0	Bảy
34	Nguyễn Thị Minh Huyền	30/8/1976	01		68	7.0	Bảy
35	Phạm Văn Khải	12/12/1962	02		29	7.0	Bảy
36	Phạm Quang Khải	25/8/1976	02		25	7.5	Bảy

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
37	Đặng Quang Khoa	19/5/1979	02		26	7.25	ba, hai năm
38	Trần Kiên	12/2/1969	02		24	7.25	ba, hai năm
39	Lê Tấn Kiêm	30/01/1979	02		46	7.5	ba, năm
40	Nông Hoàng Lan	22/8/1978	02		6	7.5	ba, năm
41	Nguyễn Thành Long	07/10/1975	02		36	7.25	ba, hai năm
42	Đinh Thị Tuyết Mai	18/01/1978	02		34	7.5	ba, năm
43	Nguyễn Thị Mai	13/02/1990	02		18	7.25	ba, hai năm
44	Vũ Hùng Mạnh	06/12/1978	2		17	7.5	ba, năm
45	Bùi Phương Nam	07/01/1979	02		3	7.25	ba, hai năm
46	Hoàng Văn Nghĩa	15/10/1981	02		42	7.5	ba, năm
47	Hồ Trần Nhựt	14/8/1980	02		11	7.5	ba, năm
48	Y Lem Niê	25/01/1976	02		1	7.0	ba
49	Võ Quốc Oánh	22/6/1979	02		66	7.5	ba, năm
50	Nguyễn Văn Pháp	01/01/1983	02		73	7.25	ba, hai năm
51	Trần Văn Phước	03/11/1981	02		57	7.5	ba, năm
52	Đồ Danh Phương	25/3/1974	02		72	7.25	ba, hai năm
53	Nguyễn Việt Phương	22/12/1973	02		43	7.5	ba, năm
54	Lê Thị Bích Phương	03/7/1989	02		13	7.5	ba, năm
55	Võ Minh Quân	03/3/1970	02		21	7.0	ba
56	Hoàng Nhật Quang	11/10/1979	02		19	7.0	ba
57	Trần Ngọc Sáng	09/8/1979	02		33	7.5	ba, năm

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
58	Võ Trường	Son	02/3/1970	02	<i>Võ</i>	14	725	Bảy hai năm
59	Trần Ngọc	Son	15/8/1964	02	<i>Trần Ngọc</i>	2	725	Bảy hai năm
60	Lê Đình	Son	12/02/1979	02	<i>Lm</i>	71	710	Bảy
61	Phạm Ngọc	Thắng	26/01/1982	02	<i>Ph</i>	80	715	Bảy năm
62	Trần Ngọc	Thắng	05/5/1969	02	<i>hl</i>	76	725	Bảy hai năm
63	Lê Tân	Thạnh	22/10/1978	02	<i>Thanh</i>	30	725	Bảy hai năm
64	Lê Đình	Thi	18/7/1978	02	<i>Thi</i>	70	715	Bảy năm
65	Nguyễn Thị	Thìn	04/02/1976	02	<i>Thi</i>	27	725	Bảy hai năm
66	Đỗ Văn	Thơ	24/3/1981	02	<i>ĐV</i>	59	715	Bảy năm
67	Nguyễn Xuân	Thu	28/7/1977	03	<i>NX</i>	15	810	Tám
68	Lương Thị Kim	Thu	12/3/1979	02	<i>LTK</i>	53	810	Tám
69	Ngô Thị Tú	Thủy	25/10/1969	02	<i>NTT</i>	12	725	Bảy hai năm
70	Nguyễn Dung Thủy	Tiên	10/8/1968	02	<i>NDT</i>	7	715	Bảy năm
71	Trần Hoàng	Tiến	19/8/1970	03	<i>TH</i>	16	715	Bảy năm
72	Hoàng Đình	Tiến	16/6/1970	02	<i>HD</i>	51	725	Bảy hai năm
73	Phạm Minh	Toại	23/4/1981	02	<i>PM</i>	19	725	Bảy hai năm
74	Hoàng Thị Thanh	Tuyền	16/4/1968	02	<i>HTT</i>	9	725	Bảy hai năm
75	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	16/3/1969	01	<i>NTT</i>	79	710	Bảy
76	Muộn Văn	Vinh	03/01/1972	02	<i>MV</i>	56	725	Bảy hai năm
77	Hoàng Công	Vỹ	26/9/1971	02	<i>HC</i>	55	725	Bảy hai năm
78	Nguyễn Thị Nam	Vỹ	02/11/1975	02	<i>NTN</i>	105	715	Bảy bảy năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
79	Nguyễn Thị Yên	10/5/1975	02		60	95	Đúng 1 năm
80	Trương Vũ Thị Hải Yên	11/12/1976	02		78	75	Đúng 1 năm

Tổng số: ...159... tờ/ ...81... bài

GIÁM THỊ 01

Đoàn Thị Mai

Ngày...15...tháng...10...năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Sông

GIÁM THỊ 02

Phan Thị Hiền

Ngày...11...tháng...10...năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

Ngô Hoàn Thu

TRƯỞNG KHOA

Hồ Duyên Ra

BAN GIÁM HIỆU

Ngô Sơn



